

KẾ HOẠCH

Công tác thu - chi năm học 2026-2027

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND Thành phố số 47/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội về việc quy định mức học phí, mức cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập và cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông từ năm 2025- 2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 60/2025/NQ-HĐND ngày 27/11/2025 quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội; Công văn số 45/UBND-KGVX ngày 06/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 60/2025/NQ-HĐND ngày 27/11/2025 của HĐND Thành phố;

Căn cứ Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ giáo dục & Đào tạo ban hành Quy định Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 Ban hành quy chế về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Công văn số 4383/SGDĐT-KHTC ngày 22/8/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc hướng dẫn tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2026-2027; Công văn số 2173/UBND-VHXXH ngày 24/7/2026 của

UBND phường Xuân Phương về hướng dẫn tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2026-2027.

Trường Tiểu học Xuân Phương xây dựng Kế hoạch thu - chi năm học 2026-2027, cụ thể như sau:

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Quy mô trường, lớp

- Tổng số lớp: 60 lớp.
- Tổng số học sinh: 2662 học sinh.

Trong đó:

- + Khối 1: 11 lớp, 477 học sinh;
- + Khối 2: 12 lớp, 568 học sinh;
- + Khối 3: 11 lớp, 507 học sinh;
- + Khối 4: 14 lớp, 590 học sinh.
- + Khối 5: 12 lớp, 520 học sinh.
- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 120 người.

2. Cơ sở vật chất

- Số phòng học: 64 phòng;
- Số phòng chức năng: 18 phòng;
- Số phòng phục vụ học tập: 40 phòng;
- Hệ thống bếp ăn bán trú: 02;
- Các công trình phụ trợ: 21 phòng.

III. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN THU, CHI

1. Thực hiện thu đúng quy định tại các văn bản pháp luật; không tự đặt ra các khoản thu trái quy định.

2. Các khoản thu phải có căn cứ pháp lý, mức thu, đối tượng thu, thời gian thu và phương thức thu rõ ràng.

3. Bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, dân chủ, đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

4. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục phải bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và nhu cầu của học sinh, cha mẹ học sinh; thực hiện theo đúng quy định của cấp có thẩm quyền.

5. Không gán việc thu các khoản đóng góp tự nguyện với việc cung cấp dịch vụ giáo dục hoặc quyền được học tập của học sinh.

6. Việc quản lý, sử dụng các nguồn thu phải thực hiện đúng chế độ tài chính, kế toán; có đầy đủ chứng từ, sổ sách và quyết toán theo quy định.

7. Thực hiện thu, chi không dùng tiền mặt theo quy định và điều kiện thực tế của nhà trường.

8. Thực hiện đầy đủ chế độ miễn, giảm, hỗ trợ học phí và các chính sách hỗ trợ khác đối với học sinh thuộc đối tượng được thụ hưởng.

IV. CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2026-2027

1. Danh mục các khoản thu và mức thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội

TT	Danh mục dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo	Đơn vị tính	Mức trần	Mức thu của đơn vị	Ghi chú
1	Dịch vụ ăn uống, bán trú				
1.1	Dịch vụ tiền ăn của học sinh				
1.1.1	Bữa sáng	Đồng/học sinh/ngày	20.000		
1.1.2	Bữa trưa		35.000	40.000	
1.2	Dịch vụ chăm sóc bán trú	Đồng/học sinh/tháng	235.000	235.000	
1.3	Dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú (công cụ, dụng cụ, vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân phục vụ cho dịch vụ bán trú)				
1.3.1	Mâm non	Đồng/học sinh/năm	200.000		
1.3.2	Tiêu học, Trung học cơ sở	học	133.000	130.000	
2	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ				
2.1	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)	Đồng/học sinh/giờ	12.000		1 giờ = 60 phút
2.2	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ các ngày nghỉ, không bao gồm tiền ăn)	Đồng/học sinh/ngày	96.000		1 ngày = 8 giờ
3	Dịch vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống (do các cơ sở giáo dục công lập trực tiếp thực hiện)				
3.1	Đối với cấp Mầm non				
	Dịch vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống (không bao gồm các nội dung trong chương trình và thời lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Đồng/học sinh/giờ dạy	15.000		1 giờ dạy = thời gian giáo viên thực tế giảng dạy trên lớp theo quy định

3.2	Đối với cấp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông					
	Dịch vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống (không bao gồm các nội dung trong chương trình và thời lượng của buổi 1, buổi 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nội dung bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa)	Đồng/học sinh/tiết dạy	15.000			1 tiết dạy = thời gian giáo viên thực tế giảng dạy trên lớp theo quy định
4	Dịch vụ đưa đón người học	Đồng/học sinh/km	10.000			Đưa đón bằng xe ô tô
5	Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác (ngoài các dịch vụ đã quy định ở mức trên)					
5.1	Dịch vụ nước uống học sinh	Đồng/học sinh/tháng	16.000		14.000	
5.2	Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (do các cơ sở giáo dục công lập trực tiếp thực hiện)					
5.2.1	Đối với cấp Mầm non					
	Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (không bao gồm các nội dung trong chương trình và thời lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Đồng/học sinh/giờ dạy	15.000			1 giờ dạy = thời gian giáo viên thực tế giảng dạy trên lớp theo quy định
5.2.2	Đối với cấp Tiểu học					
	Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (không bao gồm các nội dung trong chương trình và thời lượng của buổi 1, buổi 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nội dung bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa)	Đồng/học sinh/tiết dạy	15.000		15.000	1 tiết dạy = thời gian giáo viên thực tế giảng dạy trên lớp theo quy định
5.2.3	Đối với cấp Trung học cơ sở					
	Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (không bao gồm các nội dung trong chương trình và thời lượng của buổi 1, buổi 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nội dung bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa)	Đồng/học sinh/tiết dạy	15.000			1 tiết dạy = thời gian giáo viên thực tế giảng dạy trên lớp theo quy định

2. Các khoản thu hộ

TT	Nội dung các khoản thu	Mức thu (đơn vị tính: nghìn đồng)	Thời gian thu	Căn cứ để thực hiện (dựa trên văn bản nào để thực hiện?)	Ghi chú
1	Bảo hiểm y tế	683,1	Khối 1: Thu tháng 9	CV số 5041/BHXH-QLT ngày 10 tháng 8	HS khối 1 thu

NG
HOC
SINH
PH

			Khối 2,3,4,5: Thu tháng 11	năm 2026 của BHXH thành phố Hà Nội	theo tháng sinh
2	Bảo hiểm thân thể	100	Thu 1 lần	Thu thỏa thuận với CMHS	HS/năm
3	Kinh phí hoạt động Đoàn – Đội	18	Thu 1 lần đầu năm học	Hướng dẫn liên ngành số 121/HDLT ngày 05/11/2001 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Thành đoàn Hà Nội và Sở Tài chính - Vật giá Hà Nội về việc thu, chi, quản lý và sử dụng Quỹ Đội tại các trường học trên địa bàn thành phố Hà Nội.	HS/năm học

V. DỰ TOÁN CHI

TT	Nội dung các khoản thu	Mức thu (ĐVT: nghìn đồng)	Dự toán chi		Hợp đồng với đơn vị	Ghi chú
			Nội dung chi	Tỷ lệ		
I	CÁC KHOẢN CHI THEO NGHỊ QUYẾT 60/2025/NQ-HĐND NGÀY 27/11/2025					
1	Dịch vụ ăn uống, bán trú					
1.1	Dịch vụ tiền ăn của học sinh Số học sinh: 2400					
1.1.1	Bữa sáng Số học sinh:					
1.1.2	Bữa trưa Số học sinh: 2400					
		40	- Chi trả 100% cho Công ty cung cấp suất ăn (bao gồm 1 bữa chính + 1 bữa phụ) Trong đó bao gồm: + 28.000đ/HS/ngày: Ngân sách nhà nước hỗ trợ + 12.000đ: thu từ nguồn đóng góp của PHHS	100%		

1.2	Dịch vụ chăm sóc bán trú <i>Số học sinh: 2400</i>	235	* Chi 2% tổng thu để nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. * Còn lại 98% tổng thu sẽ chi như sau: - Chi cô trực tiếp chăm sóc, GV chủ nhiệm theo dõi học sinh ăn và nhân viên phục vụ bán trú: 80% - Chi cán bộ quản lí, các nhân viên khác phục vụ chi giám sát, kiểm tra định lượng hàng ngày: 20%	100%		
1.3	Dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú					
1.3.1	<i>Mầm non</i> <i>Số học sinh:</i>					
1.3.2	<i>Tiểu học, Trung học cơ sở</i> <i>Số học sinh: 2400</i>	130	Chi mua chăn, khăn mặt, giấy ăn, nước rửa tay, nước lau sàn, xà phòng giặt, giấy vệ sinh sữa chữa bộ sung cơ sở vật chất bán trú (trang bị tủ đựng đồ dùng bán trú)	100%		
2	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ					
2.1	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn) <i>Số học sinh:</i>					

2.2	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ các ngày nghỉ, không bao gồm tiền ăn) Số học sinh:					
3	Dịch vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống (do các cơ sở giáo dục công lập trực tiếp thực hiện)					
3.1	Đối với cấp Mầm non					
	Dịch vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống (không bao gồm các nội dung trong chương trình và thời lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) Số học sinh:					
3.2	Đối với cấp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông					
	Dịch vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống (không bao gồm các nội dung trong chương trình và thời lượng của buổi 1, buổi 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nội dung bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa) Số học sinh:					
4	Dịch vụ đưa đón người học Số học sinh:					
5	Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác (ngoài các					



	dịch vụ đã quy định ở mức trên)						
5.1	Dịch vụ nước uống học sinh Số học sinh: 2662	14	100% Chi mua nước uống cho học sinh & các thiết bị chuyên dụng	100%			
5.2	Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (do các cơ sở giáo dục công lập trực tiếp thực hiện)						
5.2.1	Đối với cấp Mầm non						
	Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (không bao gồm các nội dung trong chương trình và thời lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)						
	Số học sinh:						
5.2.2	Đối với cấp Tiểu học						
	Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (không bao gồm các nội dung trong chương trình và thời lượng của buổi 1, buổi 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nội dung bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa)	15.000đ/HS/tiết	1) Các CLB từ 15h20 đến 17h chỉ như sau: * Chi 2% tổng thu nộp thuế thu nhập doanh nghiệp * Còn lại 98% tổng thu sẽ chi như sau: - 68% tổng thu sau thuế chi giáo viên trực tiếp - 16% tổng thu sau thuế chi bộ phận quản lí, các giáo viên, nhân viên phục vụ khác - 16% tổng thu sau thuế chi tu sửa CSVC, điện, nước, hoạt động chuyên môn, lương giáo viên HĐ.				
	Số học sinh: 2350						

TR
TIẾ
XUÂN

			2) Các CLB từ 17h đến 18h10 chỉ như sau: * Chi 2% tổng thu nộp thuế thu nhập doanh nghiệp * Còn lại 98% tổng thu sẽ chi như sau: - 72% tổng thu sau thuế chi giáo viên trực tiếp; - 3% tổng thu sau thuế chi GVCN; - 12.5% tổng thu sau thuế chi tu sửa cơ sở vật chất, điện, nước, hoạt động chuyên môn; - 12.5% tổng thu sau thuế chi bộ phận quản lí và các nhân viên phục vụ khác.			
5.2.3	Đối với cấp Trung học cơ sở					
	<i>Dịch vụ hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (không bao gồm các nội dung trong chương trình và thời lượng của buổi 1, buổi 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nội dung bồi dưỡng bổ sung kiến thức các môn văn hóa)</i> Số học sinh:					
III	CHI HỘ					
1	Bảo hiểm y tế	683,1	Nộp 100% trả Bảo hiểm xã hội cơ sở Tây Tựu theo quy định	100%	Bảo hiểm xã hội cơ sở Tây Tựu	
2	Bảo hiểm thân thể	100	Nộp 100% trả công ty Bảo hiểm	100%	Công ty bảo hiểm Bảo Minh	
3	Quỹ đội	18	- Chi mua bổ sung trống, cờ, ... của			

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Bước 1: Nhà trường tiến hành họp Ban Giám hiệu về việc thống nhất các khoản thu theo quy định và các khoản thu khác trong năm học 2026-2027.

Bước 2: Nhà trường tiến hành họp Ban liên tịch trường, họp Hội đồng sư phạm trường để triển khai kế hoạch thu chi theo quy định; các khoản thu khác và quy trình thực hiện các khoản thu thỏa thuận cho năm học 2026-2027.

Bước 3: Họp Ban giám hiệu với Ban thường trực CMHS, Ban đại diện CMHS 60 lớp và các giáo viên chủ nhiệm để triển khai kế hoạch thu chi các khoản thu theo quy định; các khoản thu thỏa thuận và quy trình thực hiện các khoản thu thỏa thuận năm học 2026-2027.

Bước 4: Báo cáo các khoản thu dự kiến của năm học 2026-2027 với UBND phường Xuân Phương.

Bước 5: Thông báo tới GVCN các lớp tổ chức họp phụ huynh đầu năm học tại từng lớp để triển khai kế hoạch thu, chi khoản thu theo quy định; thống nhất các khoản thu thỏa thuận và quy trình thực hiện các khoản thu thỏa thuận dự kiến năm học 2026-2027 tới từng PHHS (Lấy ý kiến thỏa thuận với các khoản thu của 100% CMHS trong lớp theo Phiếu đính kèm, lưu phiếu của 100% CMHS cùng biên bản họp phụ huynh học sinh các lớp)

Bước 6: Thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các quy định hiện hành về chế độ công khai (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/7/2024).

IV. CAM KẾT CỦA NHÀ TRƯỜNG

GVCN cam kết nhất trí và thực hiện nghiêm túc, đúng nội dung, quy trình đã thống nhất.

Phụ huynh thống nhất thỏa thuận thu chi, thực hiện tốt thu chi theo đúng quy định. Đảm bảo đúng thời gian quy định của nhà trường và nắm rõ các văn bản chỉ đạo hướng dẫn các khoản thu – chi.

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước các cấp về công tác thu – chi của nhà trường và cam kết không thu các khoản thu ngoài quy định.

Trên đây là kế hoạch thu - chi năm học 2026-2027. Trường tiểu học Xuân Phương báo cáo UBND phường, phòng Văn hóa - Xã hội, phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Xuân Phương./.

Nơi nhận:

- UBND phường;
- Các phòng: VHXXH, KTHTĐT; } (để b/cáo)
- Lưu: VT.



Lê Thị Tuyết Lan